

DANH MỤC CHẤT CẤM - NĂM 2014

Theo Điều 4.2.2 của Bộ Luật phòng chống Dopng thế giới, tất cả các chất cấm được coi là “Chất đặc hiệu”, trừ những chất thuộc nhóm S1, S2, S4.4, S4.5, S6.a, và một số phương pháp cấm gồm M1, M2, M3.

NHỮNG CHẤT VÀ PHƯƠNG PHÁP CẤM MỌI THỜI ĐIỂM (CẢ TRONG VÀ NGOÀI THI ĐẤU)

NHỮNG CHẤT CẤM

S0: CÁC CHẤT CHƯA ĐƯỢC THÔNG QUA

Tất cả các chất chưa được ghi trong danh mục cho phép sử dụng với các luật định của các cơ quan Y tế với mục đích điều trị bệnh (ví dụ những chất đang trong giai đoạn nghiên cứu, thử nghiệm, bị đình chỉ, hoặc chỉ sử dụng cho gia súc...) bị cấm trong mọi thời điểm.

S1: CÁC CHẤT ĐỒNG HÓA

Các chất đồng hóa bị cấm.

1- Các chất thuộc nhóm Androgenic Steroids (AAS)

a) Các chất AAS ngoại sinh*, bao gồm:

1-androstenediol(5α -androst-1-ene 3β ,17diol);

androstenedione(5α androst1-

e3,17dione); bolandiol(estr4ene3 β ,17 β diol);
bolasterone; boldenone;
boldione (androsta-1,4-diene-3,17-dione); **calusterone;**
clostebol; danazol ([1,2]oxazolo[4',5':2,3]pregna-4-en-20-yn-17 α -ol);
dehydrochlormethyltestosterone (4-chloro-17 β -hydroxy-17 α -
methylandrosta-1,4-dien-3 one);
desoxymethyltestosterone (17 α -methyl-5 α -androst-2-en-17 β -ol);
drostanolone; ethylestrenol (19-norpregna-4-en-17 α -ol);
fluoxymesterone; formebolone;
Furazabol (17 α methyl[1,2,5]oxadiazolo[3',4':2,3]-5 α -androstan-17 β -
ol);**gestrinone; 4-hydroxytestosterone** (4,17 β -dihydroxyandrost-4-en-3-
one); **mestanolone;mesterolone;**
Metenolone; methandienone (17 β -hydroxy-17 α -methylandrosta-1,4-
dien-3one); **methandriol; methasterone** (17 β -hydroxy-2 α ,17 α -
dimethyl-5 α -androstan-3-one); **methyldienolone** (17 β -hydroxy-17 α -
methylestra-4,9-dien-3-one);
Methyl-1-testosterone (17 β -hydroxy-17 α -methyl-5 α androst-1-en-3-
one); **methylnortestosterone** (17 β -hydroxy-17 α -methylestr-4-en-
3one); **methyltestosterone; metribolone** (methyltrienolone, 17 β -
hydroxy-17 α -methylestra-4,9,11-trien3one); **mibolerone;**
Nandrolone; 19-norandrostenedione (estr-4-ene-3,17-dione);
norboletone; norclostebol; norethandrolone;
Oxabolone; oxandrolone; oxymesterone; oxymetholone
prostanazol (17 β -[(tetrahydropyran-2-yl)oxy]-1'H-pyrazolo[3,4:2,3]-

5 α -androstane);

Quinbolone; stanozolol; stenbolone; 1testosterone (17 β -hydroxy-5 α -androst-1-en-3one); **tetrahydrogestrinone** (17-hydroxy-18a-homo-19-nor-17 α -pregna-4,9,11-trien-3-one); **Trenbolone** (17 β -hydroxyestr-4,9,11-trien-3 one);

Và những chất khác có cấu trúc hóa học và tác dụng sinh học tương tự.

*b) Chất AAS nội sinh**, được đưa thêm vào cơ thể*

Androstenediol(androst-5-ene-3 β ,17 β -diol);**androstenedione** (androst-4-ene-3,17-dione); **dihydrotestosterone** (17 β -hydroxy-5 α -androstan-3-one); **prasterone** (dehydroepiandrosterone, DHEA, 3 β -hydroxyandrost-5-en-17-one); **testosterone**;

Và những chất chuyển hóa, và đồng phân của chúng, bao gồm:

5 α -androstane-3 α ,17 α -diol;5 α -androstane-3 α ,17 β -diol;5 α -androstane-3 β ,17 α -diol; 5 α -androstane-3 β ,17 β -diol; androst-4-ene-3 α ,17 α -diol;

androst-4-ene-3 α ,17 β -diol; androst-4-ene-3 β ,17 α -diol; androst-5-ene-3 α ,17 α -diol; androst-5-ene-3 α ,17 β -diol; androst-5-ene-3 β ,17 α -diol;

4-androstenediol (androst-4-ene-3 β ,17 β -diol); **5-androstenedione** (androst-5-ene-3,17-dione);**epi-dihydrotestosterone; epitestosterone; etiocholanolone;**

3 α -hydroxy-5 α -androstan-17-one; 3 β -hydroxy-5 α - androstan-17-one; 7 α -hydroxy-DHEA ; 7 β -hydroxy-DHEA ; 7-keto-DHEA;

19-norandrosterone; 19-noretiocholanolone.

2- Các chất đồng hóa khác

Clenbuterol, tác động tới thụ thể của **Androgen (SARMs); tibolone, zeranol; zilpaterol.**

Ghi chú:

“ Ngoại sinh”: những chất không do cơ thể con người sản xuất một cách tự nhiên.

“ Nội sinh”: những chất do cơ thể con người sản xuất một cách tự nhiên.

S2: CÁC HORMONE PEPTIDE, YẾU TỐ TĂNG TRƯỞNG VÀ CÁC CHẤT LIÊN QUAN

Những chất sau đây, kể cả những chất khác có cấu trúc hoá học tương tự, hoặc tác dụng sinh học tương tự, đều bị cấm:

Erythropoiesis-Stimulating Agents [ví dụ erythropoietin (EPO); darbepoetin (dEPO); hypoxia-inducible factor (HIF) stabilizers; methoxy polyethylene glycol-epoetin beta (CERA); peginesatide(Hematide)];

Chorionic Gonadotrophin (CG) and Luteinizing Hormone (LH) và các yếu tố giải phóng của chúng ở nam.

Corticotrophins và các yếu tố giải phóng của chúng;

Growth Hormone (GH) và các yếu tố giải phóng của nó and Insulin-like Growth Factor-1 (IGF-1).

Những yếu tố tăng trưởng sau cũng bị cấm:

Fibroblast Growth Factors (FGFs); Hepatocyte Growth Factor (HGF); Mechano Growth Factors (MGFs); Platelet-Derived Growth Factor (PDGF); Vascular-Endothelial Growth Factor (VEGF), và những chất kích thích tăng trưởng khác, tác động tới sự tổng hợp/thoái hóa cơ, gân, dây chằng, mạch máu, sử dụng năng lượng, tăng khả năng tái sinh chất xơ.

Và những chất có cấu trúc hóa học, hoặc tác dụng sinh học tương tự cũng bị cấm.

S3. NHÓM TÁC DỤNG CHỌN LỌC (BETA -2 AGONIST)

Tất cả những chất thuộc nhóm này, và đồng phân của chúng (ví dụ d- và l-) là những chất bị cấm, trừ chất salbutamol dạng xịt hơi (tối đa 1600µg/24h), formoterol dạng hơi (tối đa liều 54µg/24h), và salmeterol dạng xịt tương ứng với khuyến nghị của bác sỹ điều trị và nhà sản xuất.

Salbutamol với nồng độ trong nước tiểu vượt quá 1000 ng/mL hoặc formoterol vượt quá 40 ng/mL được coi là sử dụng không phải mục đích điều trị, mà được coi là bất thường (Adverse Analytical Finding), trừ khi vận động viên chứng minh được, qua quá trình đào thải dược lý, nồng độ bất thường gây ra do liều điều chỉ định trị tối đa gây nên.

S4. HORMONE VÀ CÁC CHẤT CHUYỂN HÓA

Các chất sau đây bị cấm:

Chất ức chế aromatase, bao gồm aminoglutethimide, anastrozole, androsta-1,4,6-triene-3,17-dione (androstatrienedione), 4-androstene-3,6,17trione(6-oxo), exemestane, formestane, letrozole, testolactone.

Các chất tác động chọn lọc với thụ thể của hormone estrogen (SERMs), kể cả raloxifene, tamoxifen, toremifene.

Các chất anti- estrogen khác: clomiphene, cyclofenil, fulvestrant.

Các chất làm thay đổi chức năng của cơ, bao gồm cả những chất ức chế chức năng cơ (myostatin inhibitors)

Các chất làm thay đổi chuyển hóa:

a) Insulins

b) Peroxisome Proliferator Activated Receptor δ (PPAR δ) agonists (e.g. GW 1516), PPAR δ -AMP-activated protein kinase (AMPK) axis agonists (e.g. AICAR)

S5. CHẤT LỢI TIỂU VÀ NHỮNG CHẤT CHE DẤU

Những chất có tác dụng che dấu, bao gồm:

Diuretics, desmopressin, plasma expanders (ví dụ: glycerol; tiêm truyền tĩnh mạch albumin, dextran, hydroxyethyl starch and mannitol); probenecid; và những chất có tác dụng sinh học tương tự.

Chất sử dụng tại chỗ, như gậy tê răng felypressin không bị cấm.

Các chất lợi tiểu:

Acetazolamide, amiloride, bumetanide, canrenone, chlortalidone, etacrynic acid, furosemide, indapamide, metolazone, spironolactone, thiazides (ví dụ: bendroflumethiazide, chlorothiazide, hydrochlorothiazide), triamterene, vaptans (e.g. tolvaptan);

Và những chất có cấu trúc hóa học và tác dụng sinh học tương tự (trừ drospirenone, pamabrom và topical dorzolamide and Brinzolamide không bị cấm).

Việc sử dụng trong và ngoài thi đấu có thể áp dụng, với ngưỡng giới hạn (như: formoterol, salbutamol, cathine, ephedrine, methylephedrine and pseudoephedrine), kết hợp với chất lợi tiểu hoặc tác nhân che giấu khác phải được chứng minh bằng hồ sơ miễn trừ điều trị cho phép.

CÁC PHƯƠNG PHÁP BỊ CẤM

M1. TÁC ĐỘNG TỚI MÁU VÀ CÁC THÀNH PHẦN CỦA MÁU

Các biện pháp sau bị cấm:

1. Nhận máu hoặc truyền máu tự thân với bất kỳ liều lượng nào, truyền máu và các thành phần của máu dưới bất kỳ hình thức nào vào hệ thống tuần hoàn.

2. Tăng nhân tạo quá trình hấp thu vận chuyển và cung cấp oxy, kể cả perfluorochemicals, efaproxiral (RSR13) và thay đổi quá trình sản xuất Hemoglobin (e.g. haemoglobin-based blood substitutes, microencapsulated haemoglobin products), trừ việc bổ sung oxy.

3. Tất cả các dạng bơm/tiêm tĩnh mạch máu hoặc thành phần của máu bằng phương pháp vật lý hoặc hóa học.

M2. NHỮNG TÁC ĐỘNG HÓA HỌC VÀ VẬT LÝ

1. Giả mạo, hoặc cố gắng làm xáo trộn, làm thay đổi sự toàn vẹn và tính hợp lệ của việc thu thập mẫu trong quá trình kiểm tra Doping. Bao gồm cả những chất cho vào trong nước tiểu (ví dụ proteases).

2. Tiêm hoặc truyền tĩnh mạch >50 mL/6h; trừ những người đang điều trị hợp pháp theo hồ sơ bệnh viện, với cho phép của bác sỹ.

M3. GIEN DOPING

Phương pháp sau, với mục đích làm tăng thành tích thể thao, đều bị cấm:

1. Chuyển các đoạn (polymers) của acid nucleic hoặc acid nucleic tương tự.
2. Sử dụng những tế bào bình thường hoặc bị biến đổi di truyền.

CÁC CHẤT VÀ PHƯƠNG PHÁP CẤM TRONG THI ĐẤU

Bổ sung cho các nhóm S0 đến S5, phương pháp M1 đến M3 trên đây, các chất/phương pháp sau bị cấm trong khi thi đấu:

CÁC CHẤT CẤM

S6. CHẤT KÍCH THÍCH

Tất cả các chất kích thích, bao gồm các đồng phân (dạng d- và l-) đều bị cấm, trừ dẫn xuất của imidazole dạng cao dán và một số chất kích thích thuộc chương trình giám sát năm 2014 qui định.

Các chất kích thích bao gồm:

a: Kích thích không đặc hiệu

Adrafinil; amfepramone; amfetamine; amfetaminil; amiphenazole;

Benfluorex; benzylpiperazine; bromantan; clobenzorex; cocaine;

Cropropamide; crotetamide; fencamine; fenetylline; fenfluramine;

Fenproporex; fonturacetam [4-phenylpiracetam (carphedon)];
furfenorex; mefenorex; mephentermine;

Mesocarb; metamfetamine(d-); p-methylamphetamine; modafinil;
norfenfluramine;

Phendimetrazine; phenmetrazine; phentermine; prenylamine;
prolintane.

*Những chất không nêu trong danh sách trên đây, được coi là những
chất kích thích đặc hiệu*

b: Những chất kích thích đặc hiệu (ví dụ):

- Benzfetamine; cathine^{**}; cathinone and its analogues (e.g. mephedrone,
- methedrone, α - pyrrolidinovalerophenone); dimethylamphetamine;
- ephedrine^{***}; epinephrine^{****} (adrenaline); etamivan; etilamfetamine;
- etilefrine; famprofazone; fenbutrazate; fencamfamin; heptaminol;
- hydroxyamfetamine (parahydroamphetamine); isometheptene;
levmetamfetamine; meclofenoxate;
methylenedioxyamphetamine;
- methylephedrine^{***}; methylhexaneamine (dimethylpentylamine);
methylphenidate; nikethamide; norfenefrine;
- octopamine; oxilofrine (methylsynephrine); pemoline; pentetrazol;
phenpromethamine;
- propylhexedrine; pseudoephedrine^{*****}
- selegiline; sibutramine;
- strychnine; tenamfetamine (methylenedioxyamphetamine);

- trimetazidine; tuaminoheptane; and other substances with a similar chemical
- structure or similar biological effect(s).
- và những chất khác có cấu trúc hóa học và chức năng sinh học tương tự.

* Các chất sau đây nằm trong chương trình giám sát năm 2014 (bupropion, caffeine, nicotine, phenylephrin, phenylpropanolamin, pipradol, synephrine) không xem là chất bị cấm.

** **Cathine** bị cấm khi nồng độ của nó trong nước tiểu lớn hơn $>5 \mu\text{g/mL}$.

*** Mỗi **ephedrine** và **methylephedrine** bị cấm khi nồng độ trong nước tiểu $> 10 \mu\text{g/mL}$.

**** Sử dụng tại chỗ (ví dụ như mũi, mắt) **epinephrine (adrenaline)** hoặc kết hợp cùng với các thuốc gây tê cục bộ khác, không bị cấm.

***** **Pseudoephedrine** bị cấm khi nồng độ trong nước tiểu $> 150 \mu\text{g/mL}$.

S7. THUỐC MÊ

Những chất sau bị cấm:

Buprenorphine, dextromoramide, diamorphine (heroin), fentanyl và các dẫn xuất của nó, hydromorphone, methadone, morphine, oxycodone, oxymorphone, pentazocine, pethidine.

S8. CHẤT CANNABINOIDS (CÀN SA)

Dạng tự nhiên (ví dụ cannabis, hashish, marijuana) hoặc tổng hợp delta 9- tetrahydrocannabinol (THC) and cannabimimetics (ví dụ “Spice”, JWH018,

JWH073, HU-210) đều bị cấm.

S9. GLUCOCORTICOSTEROIDS

Tất cả các glucocorticosteroids đều bị cấm, kể cả bằng uống, tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp hoặc đặt qua đường hậu môn.

NHỮNG CHẤT CẤM SỬ DỤNG TRONG NHỮNG MÔN THỂ THAO ĐẶC BIỆT

P1. ALCOHOL

Alcohol (ethanol) chỉ bị cấm trong khi thi đấu, trong những môn thể thao sau đây, việc phát hiện được tiến hành bằng phân tích khí thở hoặc xét nghiệm máu. Ngưỡng doping vi phạm (trong máu) là 0.10 g/L.

- Aeronautic (FAI): Thể thao trên không
- Archery (FITA): bắn cung
- Automobile (FIA): đua ô tô
- Karate (WKF)
- Motorcycling (FIM): đua xe máy
- Powerboating (UIM): đua thuyền

P2. NHÓM THUỐC CHẸN BETA (BETA-BLOCKERS)

Trừ khi có quy định khác, các chất beta-blockers chỉ bị cấm khi thi đấu, trong các dạng thể thao sau:

- Bắn cung (bị cấm cả ngoài thi đấu).
- Đua ô tô.
- Billiards (tất cả các lĩnh vực).
- Phi tiêu.
- Chơi Golf.
- Bắn súng (cấm cả ngoài thi đấu).

- Trượt tuyết nhảy, trượt tuyết nhảy, bay tự do trên không, trượt tuyết bán ống.

Những chất Beta-blockers, bao gồm:

- Acebutolol, alprenolol, atenolol, betaxolol, bisoprolol,
- Bunolol, carteolol, carvedilol, celiprolol, esmolol,
- labetalol, levobunolol, metipranolol, metoprolol, nadolol,
- oxprenolol, pindolol, propranolol, sotalol, timolol.